TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH THUỶ** **TỈNH PHÚ THO**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 28/04/2020
V/Vtranh chấp "Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUY□N THANH THU□, T□NH PH□ TH□

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Bùi Khoa Hương**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đỗ Minh Thân**
Ông **Đoàn Hồng Canh**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Dương Thị Thanh Hoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông **Hoàng Tuấn Dũng** - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 4 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST- HNGĐ ngày 06/01/2020 về việc "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2020. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đoàn Thị M** sinh năm 1995 (Có đơn xin vắng mặt).
Địa chỉ: Khu 10 xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
Bị đơn: Anh **Trần Ngọc T**, sinh năm 1993 (Có đơn xin vắng mặt).
Địa chỉ: Khu 3 thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn: Trong đơn khởi kiện ngày 31/12/2019,bản tự khai ngày 16/01/2020 chị Đoàn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị M kết hôn với anh Trần Ngọc T ngày 26/03/2015**.** Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn, chung sống tại xã Đ (Nay là xã Đ), huyện Thanh Thủy, tình cảm vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không quan tâm, chăm sóc đến nhau và không thống nhất bảo ban nhau để làm ăn nuôi dạy con chung, nên vợ chồng thường xuyên cãi, chửi lẫn nhau, anh T đã nhiều lần hành hung đánh đập chị. Sau khi mâu thuẫn mặc dù đã được hai bên gia đình giải quyết nhưng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Đến đầu năm 2018 anh T đi làm ăn không về nhà chị đã điện thông báo cho anh T về Tòa án để giải quyết việc ly hôn, nhưng anh T nói bận đi làm không

về được cũng không cho chị biết địa chỉ chỗ ở và nơi làm việc cụ thể ở đâu. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không thể đoàn tụ được, chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Trần Ngọc T.

Về con chung: Vợ chồng chị M có 01 người con chung:

Cháu Trần Nhật M1, sinh ngày 1x/10/2015**.** Hiện nay cháu M1 đang ở với chị M, khi ly hôn chị đề nghị xin được nuôi dưỡng cháu M1, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Đoàn Thị M không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung vợ chồng, tài sản cho vay, công sức đóng góp: Chị Đoàn Thị M không đề nghị giải quyết.

* **Bị đơn theo bản tự khai ngày 18/02/2020 anh Trần Ngọc T trình bày**:

Anh Trần Ngọc T kết hôn với chị Đoàn Thị M năm 2015, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ là hoàn toàn tự nguyện, quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong công việc và trong cuộc sống, nên hai người đã sống ly thân, hiện nay vợ chồng không còn liên hệ với nhau nữa. Nay anh T nhất trí ly hôn với chị Đoàn Thị M. Hiện nay anh đi làm ăn không về được, nên anh xin được vắng mặt tại các phiên hòa giải và xin được xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Về con chung: Vợ chồng anh T có 01 người con chung: Cháu Trần Nhật M1, sinh ngày 1x/10/2015**.** Hiện nay cháu M1 đang ở với chị M, khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, nếu chị M nuôi cháu M1 anh T cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật.

Về tài sản chung: Anh Trần Ngọc T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung vợ chồng, tài sản cho vay, công sức đóng góp: Anh Trần Ngọc T không đề nghị giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy phát biểu quan điểm:

Việc nhận đơn, phân công Thẩm phán giải quyết vụ án được thực hiện theo đúng Bộ luật tố tụng Dân sự.

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán tiến hành thụ lý vụ án, triệu tập đương sự đến Tòa án giải quyết theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành tham gia tố tụng, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng Dân sự

Bị đơn không thực hiện đầy đủ về các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 – Bộ luật tố tụng Dân sự

Đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, Điều 207, Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 - Bộ luật tố tụng Dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị M về việc xin ly hôn anh Trần Ngọc T.

Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đoàn Thị M và anh Trần Ngọc T.

Về con chung: Giao cháu Trần Nhật M1, sinh ngày 1x/10/2015 cho chị Đoàn Thị M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M1 đến khi thành niên, anh T không phải

cấp dưỡng nuôi con chung, do chị M không yêu cầu cấp dưỡng .

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị M và anh T không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí ly hôn: Chị Đoàn Thị M phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Ngọc T là bị đơn trong vụ án hôn nhân gia đình, sau khi Tòa án nhận được đơn khởi kiện của chị Đoàn Thị M về việc xin ly hôn anh Trần Ngọc T. Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy đã tiến hành thụ lý vụ án và triệu tập chị M, anh T đến Tòa án để giải quyết, chị M đã chấp hành, tham gia đầy đủ, anh T đề nghị xin được vắng mặt. Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc anh T vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Như vậy, vụ án không thể tiến hành hòa giải thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay chị Đoàn Thị M và anh Trần Ngọc T đều vắng mặt, nhưng trước khi mở phiên tòa chị M, anh T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị M và anh Trần Ngọc T kết hôn năm 2015. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống vợ chồng anh chị không bảo ban nhau lao động làm ăn phát triển kinh tế, xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con chung nên thường xuyên cãi chửi nhau, anh T đã có hành vi bạo lực gia đình đánh đập chị. Tuy nhiên, mâu thuẫn này đã được hai bên gia đình giải quyết nhưng tình cảm không hàn gắn được, đến năm 2018 anh T đi làm ăn từ đó đến nay không về nhà và dấu địa chỉ nơi ở và nơi làm việc không cho chị M biết, nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị M và anh T đều đề nghị được ly hôn.

Về phía anh Trần Ngọc T, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh đến giải quyết, nhưng anh đều vắng mặt không lý do. Mặc dù anh T đã biết chị M có đơn xin ly hôn và nhiều lần chị M gọi điện thông báo, động viên anh về để giải quyết ly hôn, nhưng anh không đến Tòa án vì lý do đi làm ăn xa không có điều kiện về. Ngày 18/02/2020 Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy nhận được bản tự khai, đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và xin được xét xử vắng mặt của anh T được chuyển qua đường Bưu điện. Trong bản tự khai anh xác nhận quá trình kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn với chị M và các quan hệ khác như chị M trình bày là đúng, anh T xác định tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên anh đồng ý ly hôn với chị M, về con chung anh đề nghị giải quyết theo pháp luật, tài sản chung, nợ chung anh không đề nghị giải

quyết, các văn bản trên đều có xác nhận của chính quyền địa phương nơi anh T đang sinh sống.

Trước khi chuẩn bị xét xử chị Đoàn Thị M và anh Trần Ngọc T đều đề nghị xét xử vắng mặt, nhưng chị M và anh T vẫn giữ nguyên quan điểm như bản tự khai đã trình bày đề nghị được ly hôn và con chung, các vấn đề khác không đề nghị giải quyết. Do đó HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của chị M và và anh T, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đoàn Thị M và anh Trần Ngọc T là phù hợp với Điều 55 luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung**:** Chị Đoàn Thị M và anh Trần Ngọc T có 01 con chung cháu Trần Nhật M1, sinh ngày 1x/10/2015. Hiện nay đang được chị M nuôi dưỡng, để bảo đảm quyền lợi của cháu M1 và cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người mẹ, HĐXX giao cháu Minh cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M1 đến khi thành niên, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị M không yêu cầu. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Trong quá trình giải quyết vụ án chị M và anh T không đề nghị giải quyết. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Đoàn Thị M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 58; 81; 82; 83 - Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 207, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 - Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị M về việc xin ly hôn anh Trần Ngọc T.

Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đoàn Thị M và anh Trần Ngọc T.

Về con chung: Giao cháu Trần Nhật M1, sinh ngày 1x/10/2015 cho chị Đoàn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M1 đến khi thành niên, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị M không yêu cầu, nhưng anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Trong quá trình giải quyết vụ án chị M và anh T không đề nghị giải quyết. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đoàn Thị M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị M đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lại thu tiền tạm ứng án phí lệ phí số AA/2017/0001649 ngày 06/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Nay chuyển thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a và điều 9 Luật Thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi họ cư trú, lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Thuỷ, Tỉnh
- THADS huyện Thanh Thuỷ
- UBND xã Đồng Trung
- UBND thị trấn Thanh Thủy
- Các đ- ơng sự
- L- u hồ sơ - VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Khoa Hương